

Bản án số: 35/2019/DS-PT
Ngày: 19-4-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương
Ông Bùi Thanh Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Mến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 29/2019/QĐ-PT ngày 04/4/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị M, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Trần Thiết H, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Số 82, Đường L, Khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công Đ, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Ông Trần Đăng S, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Công ty Luật TNHH Hãng Luật Giải Phóng, phòng 603B, Tòa nhà Indochina, Số 04, Nguyễn Đình C, phường Đ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Trần Thiết H, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Số 82, Đường L, Khu phố N, huyện L, tỉnh Bình Phước.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hiền: Ông Trần Đăng S, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Công ty Luật TNHH Hãng Luật Giải Phóng, phòng 603B, Tòa nhà Indochina, Số 04, Nguyễn Đình C, phường Đ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Công Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H :* Ông Trương Hồng Đ, sinh năm 1992 - Luật sư, Công ty Luật TNHH Hãng Luật Giải Phóng, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

5. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Công Đ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H.

6. *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông Trần Thiết H trình bày:

Ngày 08/5/2014 đến ngày 21/5/2014 Ông Nguyễn Công Đ có vay tiền của Bà Đào Thị M nhiều lần để đầu tư kinh doanh xây dựng và sản xuất khai thác đá, tổng cộng số tiền vay mượn là 1.205.000.000đồng. Cụ thể các lần vay mượn như sau:

Ngày 08/5/2014, ông Đ vay số tiền 1.000.000.000đồng hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán số tiền vay trong vòng 30 ngày, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng việc thỏa thuận về thời hạn thanh toán số tiền vay và lãi suất vay là do hai bên thỏa thuận bằng miệng. Giấy biên nhận ngày 08/5/2014 do ông Đ trực tiếp viết và ký tên.

Ngày 21/5/2014 ông Đ tiếp tục vay thêm số tiền 200.000.000đồng và cộng thêm số tiền 05 triệu đồng mà ông Đ mượn tay trước đó nên mới ghi giấy cam kết trả số tiền vay là 205.000.000đồng trong thời hạn bảy ngày, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, việc thỏa thuận về thời hạn thanh toán số tiền vay và lãi suất vay là do hai bên thỏa thuận bằng miệng. Ông Đ trực tiếp viết và ký tên trong giấy cam kết là sau bảy ngày kể từ ngày nhận tiền sẽ thanh toán hết số tiền 205.000.000đồng. Nhưng đến nay ông Đ vẫn chưa trả số tiền trên bà M số tiền gốc và tiền lãi lần nào.

Ông Đ vay tiền để đầu tư sản xuất kinh doanh mỏ đá, bà H (vợ ông Đ) là cổ đông nên bà H cũng có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay cho bà M .

Nay bà M yêu cầu Ông Nguyễn Công Đ và bà Nguyễn Thị H cùng liên đới trả cho bà M tổng số tiền gốc là 1.205.000.000đồng và tiền lãi suất phát sinh đối với hai khoản tiền vay trên theo lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày nhận tiền vay đến ngày Tòa án giải quyết vụ án với số tiền 497.000.000đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Đăng Sĩ trình bày:

Số tiền vay của ngày 08/5/2014 với số tiền 1.000.000.000đồng và số tiền ngày 21/5/2014 với số tiền là 205.000.000đồng, thực tế là ông Đ viết và ký tên trong cùng một ngày là ngày 08/5/2014, nhưng do phía bà M ép buộc nên mới ghi thành 02 tờ giấy vay với hai mốc thời gian khác nhau. Tất cả các số tiền trên là số tiền lãi của các khoản vay mà ông Đ đã vay của bà M trước đây như khoản vay 300.000.000đồng có thể chấp giấy tờ xe, sau một tháng từ ngày 08/9/2012 đến ngày 08/10/2012 thì ông Đ đã trả gốc và lãi 130.000.000đồng còn lại 200.000.000đồng bà M yêu cầu chuyển qua khoản vay mới lãi suất 15%/triệu/tháng, những khoản nợ cũ và mới phát sinh là khoản lãi suất cộng dồn lại đến ngày 08/5/2014 thì bà M, ông H đến nhà ông Đ đòi nợ ép buộc ông Đ ghi giấy nợ 1.000.000.000đồng và 205.000.000đồng.

Từ năm 2012 đến năm 2014, ông Đ vay của bà M rất nhiều lần cả số tiền trong hợp đồng và ngoài hợp đồng với tổng số tiền là 1.050.000.000đồng, ông Đ đã trả cho bà M số tiền 1.576.000.000đồng gồm cả tiền gốc, tiền lãi với lãi suất là 10%/tháng, 15%/tháng, 18%/tháng, tất cả các gói lãi trên đối với số tiền gốc cụ thể nào thì ông Đ không nhớ.

Việc viết giấy nợ ngày 08/5/2014 với số tiền 1.000.000.000đồng và số tiền ngày 21/5/2014 với số tiền là 205.000.000đồng có sự chứng kiến của ông Đặng Quang Bình. Tuy nhiên cho đến nay ông Đ không biết ông B đang làm gì ở đâu, ông Đ không liên lạc được nên không cung cấp cho Tòa án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà M, ông Đ không đồng ý trả.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Đăng Sĩ trình bày:

Bà H có đăng ký trên giấy kinh doanh, nhưng việc kinh doanh do ông Đ quản lý, bà H không biết việc ông Đ kinh doanh như thế nào, không biết việc vay mượn tiền của ông Đ, khi bà M đến nhà đòi tiền nợ thì mới biết việc vay tiền giữa ông Đ và bà M, khi đó bà H có chứng kiến việc ông H, bà M ép buộc ông Đ viết các giấy nợ. Nên bà không đồng ý với yêu cầu của bà M là yêu cầu bà liên đới cùng ông Đ trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Trần Thiết H trình bày:

Các số tiền bà M khởi kiện là tài sản chung của ông với bà M nên ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà M. Ông không có ý kiến gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2017/DS-ST ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đào Thị M.

Buộc ông Nguyễn Công Đ phải trả cho bà Đào Thị M số tiền gốc là 1.205.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm lẻ năm triệu đồng) và tiền lãi là 329.151.250 đồng (Ba trăm hai mươi chín triệu một trăm năm mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng). Tổng tiền gốc và lãi là: 1.534.151.250 đồng (Một tỷ

năm trăm ba mươi tư triệu một trăm năm mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Nguyên đơn bà Đào Thị M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo hướng sửa một phần của bản án dân sự sơ thẩm số 14/2017/DS-ST ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện L. Buộc ông Nguyễn Công Đ và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M số tiền 1.205.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Công Đ có đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của Tòa án về việc buộc ông Nguyễn Công Đ phải trả cho bà Đào Thị M số tiền gốc là 1.205.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm lẻ năm triệu đồng) và tiền lãi là 329.151.250 đồng (Ba trăm hai mươi chín triệu một trăm năm mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng). Tổng tiền gốc và lãi là: 1.534.151.250 đồng (Một tỷ năm trăm ba mươi tư triệu một trăm năm mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 98/2017/DS-PT ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 14/2017/DS-ST ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước; Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện L để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước, quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Đào Thị M

Buộc Ông Nguyễn Công Đ và bà Nguyễn Thị H liên đới phải trả cho Bà Đào Thị M tổng số tiền gốc và tiền lãi là: 1.688.243.750 đồng (Một tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng). Trong đó:

Số tiền gốc là: 1.205.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm lẻ năm triệu đồng), số tiền lãi là 483.243.750 đồng (bốn trăm tám mươi ba triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/11/2018 bị đơn ông Nguyễn Công Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 26/11/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 24/10/2018

của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước theo Quyết định kháng nghị số 12/QĐ/KNPT-VKS-DS đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm theo hướng sửa một phần bản án buộc vợ chồng ông Đ , bà H trả tiền gốc và lãi cho vợ chồng bà Mỹ, ông Học; Không chấp nhận một phần yêu cầu lãi của nguyên đơn và miễn án phí cho ông Nguyễn Công Đ .

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị đơn ông Định, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hiền vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 12/QĐ/KNPT-VKS-DS ngày 26/11/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến.*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của ông Đ , bà H giữ nguyên quyết định buộc vợ chồng ông bà thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi với tổng số tiền 1.688.243.750 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Bình Phước, áp dụng BLDS năm 2005, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc vợ chồng ông Đ , bà H trả tiền gốc và lãi cho vợ chồng bà M và ông Học; Không chấp nhận một phần yêu cầu lãi của nguyên đơn; Miễn án phí cho ông Đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Công Đ , Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều thống nhất việc viết và ký giấy biên nhận đề ngày 08/5/2014 với nội dung “*nợ cô Mỹ chợ Lộc Ninh số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng chẵn)*” (BL 07, 70) và giấy cam kết đề ngày 21/5/2014 (BL 06, 71) với nội dung “*07 ngày sau tôi thanh toán hết số tiền 205.000.000đ*” là chữ viết, chữ ký của ông Đ , căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được Tòa án xác định là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

[1.1]. Ông Nguyễn Công Đ cho rằng số tiền trong hai giấy biên nhận bà M cung cấp cho Tòa án là tiền lãi của các lần vay trước đây của số tiền 300.000.000đồng, sau một tháng kể từ ngày 08/9/2012 đến ngày 08/10/2012 thì ông Đ đã trả gốc và lãi 130.000.000đồng, còn lại số tiền 200.000.000đồng, bà M tính ra nhiều khoản lãi khác nhau như 10%/tháng, 15%/tháng, 18%/tháng, những khoản nợ cũ và mới phát sinh là khoản lãi suất cộng dồn lại đến ngày 08/5/2014 thì bà M, ông H đến nhà ông Đ đòi nợ ép buộc ông Đ ghi giấy nợ 1.000.000.000đồng và 205.000.000đồng. Ông Đ viết giấy biên nhận là do bị ép buộc viết theo ý của bà M. Thực tế suốt trong ba năm từ năm 2012 đến năm 2014 ông Đ vay rất nhiều lần với số tiền là 1.050.000.000đồng, cũng trong ba năm trên ông Đ đã trả tiền cho bà M nhiều lần với số tiền là 1.576.000.000đồng. Tuy nhiên thời gian vay và thời gian trả ông Đ không nhớ rõ, không giữ biên nhận vay và trả. Hai khoản vay trên thực tế là viết cùng một ngày 08/5/2014. Ông Đ cho rằng bà M ép buộc ông Đ ký thể hiện trong đoạn ghi âm đã được Phân viện khoa học hình sự Bộ công an đã giám định, ngoài ra các khoản vay trên là số tiền cho vay nặng lãi, việc cho vay của bà M đã vi phạm Điều 127 Bộ luật dân sự 2015.

[1.2]. Xét lời trình bày của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm có thông báo về việc yêu cầu ông Đ cung cấp địa chỉ của ông Đặng Văn B (BL41) mà ông Đ cho rằng kế toán của ông Đ biết việc vay mượn giữa ông và bà M, nhưng hết thời hạn thông báo ông Đ vẫn không có thông tin nào và tại phiên tòa bị đơn cũng không cung cấp được địa chỉ liên lạc của ông Bình, không đưa ra được bất cứ chứng cứ nào để chứng minh cho việc số tiền trong giấy biên nhận và giấy cam kết là tiền lãi suất của các lần vay trước đó, cũng không chứng minh được việc bà M cho vay nặng lãi.

[1.3] Đối với đoạn băng ghi âm mà ông Đ cung cấp cho Tòa án đã được giám định tại kết luận số 2321/C09B ngày 10/9/2018 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ công an (BL338), qua xem xét bản dịch nội dung (BL 339-343) trong cuộc nói chuyện giữa ông Đ (ký hiệu là Nam), bà M và ông Học thì không có gì liên quan đến việc bà M ép ông Đ viết giấy vay nợ với số tiền là 1.000.000.000 đồng và số tiền 205.000.000đồng, không thể hiện việc cho vay nặng lãi, theo ông Đ đoạn ghi âm bản gốc trong máy điện thoại không còn giữ, và ngày viết biên nhận nợ và giấy cam kết là cùng một ngày 08/5/2014. Xét thấy đoạn ghi âm trên cũng không thể hiện ngày tháng năm và thời điểm ghi âm nên không có cơ sở xem xét.

Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc là có cơ sở đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H , HĐXX xét thấy: Ông Nguyễn Công Đ thành lập Công ty cổ phần xây dựng và khai thác đá Lộc Ninh có đăng ký kinh doanh. Danh sách cổ đông của Công ty có ông Đ và bà Hiền, bà Nguyễn Thị H là vợ ông Đ (BL 173). Ông Đ là người đại diện theo pháp luật. Mặt khác, ông Đ và bà H đăng ký kết hôn từ năm 1982. Việc bà H cho rằng ông Đ vay tiền là để phát triển kinh doanh, việc kinh doanh chủ yếu do ông Đ quyết định. Bà hoàn toàn không biết việc ông Đ ký giấy vay tiền của Bà Đào Thị M, ông Đ vay bao nhiêu, vào thời gian nào bà không biết, không liên quan gì đến số tiền vay của ông Đ và không đồng ý liên đới trả nợ cùng ông Đ . Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai của bà H ngày 16/7/2015 (BL 37) bà H cũng thừa nhận bà là thành viên của Công ty và thừa nhận ông Đ có vay tiền của bà M nhiều lần. Mục đích vay là để kinh doanh khai thác đá cho Công ty.

Theo quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. *“Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25 và 26 của Luật này”.*

2. *Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”.*

Như vậy, lời khai của bà H về việc không biết các khoản nợ của ông Đ , không có liên quan gì đến khoản tiền vay và không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn là không có cơ sở.

[3]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát HĐXX xét thấy:

[3.1]. Đối với phần lãi suất: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất là chưa đúng theo quy định của pháp luật. Bởi lẽ, căn cứ hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập vào năm 2014, thời điểm BLDS năm 2005 có hiệu lực. Theo quy định tại Điều 474, 476 BLDS năm 2005 thì lãi suất được áp dụng là lãi suất cơ bản. Còn theo quy định tại Điều 466, 468 BLDS năm 2015 lãi suất được áp dụng là lãi suất thỏa thuận khác với quy định của BLDS năm 2005. Do đó, theo quy định tại Điều 688 BLDS năm 2015 thì tòa án cấp sơ thẩm phải áp dụng các quy định của BLDS năm 2005 để giải quyết. Tuy nhiên, tòa sơ thẩm lại áp dụng các quy định của BLDS năm 2015 để giải quyết là không đúng. Do đó kháng nghị của Viện kiểm sát về phần này được chấp nhận.

[3.2]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Định phải chịu án phí là chưa đúng theo quy định của pháp luật. Bởi lẽ, tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 thì ông Đ là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

ánquy định: “1. Đối với những vụ việc đã được Tòa án thụ lý để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm hoặc theo thủ tục phúc thẩm trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 nhưng sau ngày 01 tháng 01 năm 2017 Tòa án mới giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm thì các quyết định về án phí, lệ phí Tòa án được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; trường hợp theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 mà đương sự, người bị kết án phải chịu án phí, lệ phí Tòa án nhưng theo quy định của Nghị quyết này thì đương sự, người bị kết án không phải chịu hoặc được miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án thì áp dụng quy định của Nghị quyết này”

Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn ông Nguyễn Công Đ phải chịu án phí là chưa đúng theo quy định của pháp luật. Do đó kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4]. Đối với số tiền lãi nguyên đơn bà Đào Thị M yêu cầu tính lãi suất 0,75%/triệu/tháng với tổng số tiền lãi 497.000.000đồng. HĐXX xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền lãi 483.243.75đồng. Số tiền lãi còn lại không được chấp nhận là 13.756.250 đồng. Tuy nhiên tại phần quyết định Tòa án cấp sơ thẩm lại không tuyên không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần lãi suất”. Đồng thời không tuyên buộc nguyên đơn phải chịu án phí về phần lãi không được chấp nhận là có thiếu sót. Do đó cần sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ chịu án phí của nguyên đơn đối với phần lãi suất không được chấp nhận là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Cụ thể án phí nguyên đơn bà Đào Thị M phải chịu đối với số tiền 13.756.250 đồng lãi suất không được chấp nhận là: $13.756.250 \times 5\% = 687.812$ đồng.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Công Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H ; Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

[5] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7]Về án phí dân sự phúc thẩm:Do kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Công Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H được chấp nhận một phần nên ông Đ , bà H không phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Công Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H .

Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 24/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005

Căn cứ các Điều 25, 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Đào Thị M

Buộc Ông Nguyễn Công Đ và bà Nguyễn Thị H liên đới phải trả cho Bà Đào Thị M và ông Trần Thiết Học tổng số tiền gốc và tiền lãi là: 1.688.243.750 đồng (*Một tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng*). Trong đó:

Số tiền gốc là: 1.205.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm lẻ năm triệu đồng*), số tiền lãi là 483.243.750 đồng (*bốn trăm tám mươi ba triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng*).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị M về lãi suất.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Công Đ không phải chịu.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 31.323.656 đồng (Ba mươi một triệu ba trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi sáu đồng).

Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền lãi suất không được chấp nhận là 687.612 đồng (Sáu trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm mười hai đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013178 ngày 07 tháng 5 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L . Chi cục thi hành án dân sự huyện L trả lại cho Bà Đào Thị M số tiền:

25.827.513đồng (*Hai mươi lăm triệu tám trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm mười ba đồng*).

Về chi phí tố tụng khác: Ông Đ ,bà H liên đới phải chịu chi phí giám định là 5.100.000đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Công Đ , bà Nguyễn Thị H không phải chịu.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện L hoàn trả cho ông Nguyễn Công Định số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0006236 ngày 05/11/2018.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện L hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0006242 ngày 08/11/2018.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H.L;
- TAND H.Lộc N;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga